

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy viết vào tờ giấy thi các chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời em cho là đúng

Câu 1. Tung một đồng xu 27 lần liên tiếp, có 11 lần ra mặt sấp (S), xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt ngửa (N) là:

A. $\frac{11}{27}$.

B. $\frac{11}{16}$.

C. $\frac{16}{27}$.

D. $\frac{16}{11}$.

Câu 2. Một hộp có 5 thẻ bài kích thước như nhau có in chữ lần lượt là U, V, T, X. Kết quả có thể xảy ra khi lấy ngẫu nhiên 1 thẻ bài trong hộp là:

A. {U,V,T,X}.

B. {U,H,T,X}.

C. {U,V,T,U}.

D. {U,V,T,T}.

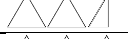
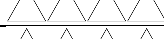
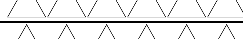
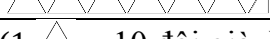
Dữ liệu sau dùng cho câu 3 và câu 4

Gieo 1 xúc xắc 10 lần liên tiếp thu được kết quả như sau

Lần 1	Mặt chấm 2	Lần 6	Mặt chấm 6
Lần 2	Mặt chấm 4	Lần 7	Mặt chấm 2
Lần 3	Mặt chấm 3	Lần 8	Mặt chấm 1
Lần 4	Mặt chấm 3	Lần 9	Mặt chấm 3
Lần 5	Mặt chấm 5	Lần 10	Mặt chấm 4

Dữ liệu sau dùng cho câu 5, câu 6 và câu 7

Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số lượng giày được bán ra tại một cửa hàng

Thứ 2	
Thứ 3	
Thứ 4	
Thứ 5	
Thứ 6	
Thứ 7	
Chủ nhật	

(1  = 10 đôi giày)

Câu 3. Xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có 3 chấm là:

A. $\frac{2}{10}$.

B. $\frac{3}{10}$.

C. $\frac{4}{10}$.

D. $\frac{1}{10}$.

Câu 4. Xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố là:

A. $\frac{2}{10}$.

B. $\frac{3}{10}$.

C. $\frac{5}{10}$.

D. $\frac{6}{10}$.

Câu 5. Ngày thứ 6 bán được số đôi giày là:

A. 35.

B. 40.

C. 50.

D. 60.

Câu 6. Chênh lệch giữa ngày bán được nhiều giày nhất và ngày bán được ít giày nhất là bao nhiêu đôi giày?

A. 35.

B. 40.

C. 45.

D. 50.

Câu 7. Tổng số giày bán được trong cả tuần là:

A. 295.

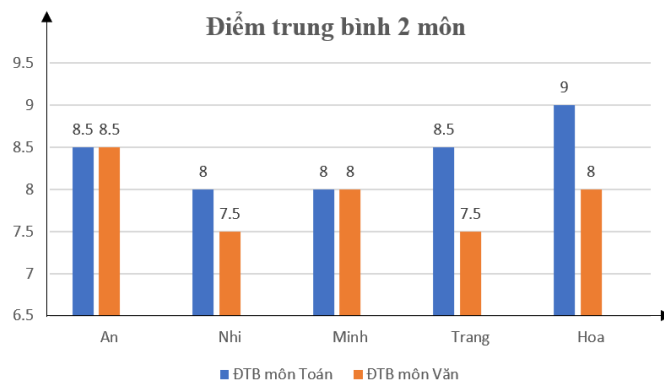
B. 235.

C. 305.

D. 285.

Dữ liệu sau dùng cho câu 8 và câu 9

Biểu đồ cột kép dưới đây ghi lại điểm trung bình của 2 môn Toán, Văn của các bạn An, Nhi, Minh, Trang, Hoa



Câu 8. Bạn nào có điểm trung bình môn Toán thấp nhất

A. Bạn Hoa.

B. Bạn Nhi.

C. Bạn An.

D. Bạn Nhi, Minh.

Câu 9. Bạn nào có điểm trung bình 2 môn Toán, Văn như nhau

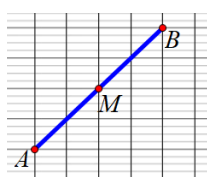
A. Bạn An, Minh.

B. Bạn An, Trang.

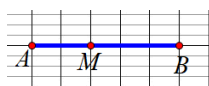
C. Bạn Hoa, An.

D. Bạn Trang, Hoa.

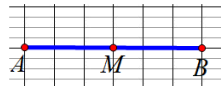
Câu 10. Hình nào cho ta điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB



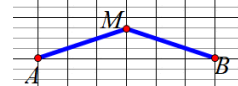
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

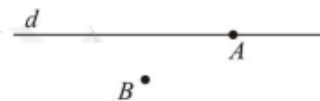
A. Hình 1, hình 2.

B. Hình 2, hình 3.

C. Hình 1, hình 3.

D. Hình 2, hình 4.

Câu 11. Cho hình vẽ, chọn đáp án SAI



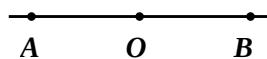
A. Điểm A thuộc đường thẳng d.

B. Điểm B không thuộc đường thẳng d.

C. Đường thẳng d đi qua điểm A.

D. Đường thẳng d đi qua điểm B.

Câu 12. Cho hình vẽ, trên hình có bao nhiêu đoạn thẳng



A. 1 đoạn thẳng.

B. 2 đoạn thẳng.

C. 3 đoạn thẳng.

D. 4 đoạn thẳng.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính

a) $-25 - 23 + 64 - 75 + 36$.

b) $15.38 - 26.19.2$.

Câu 2. (1,5 điểm)

a) Vẽ đoạn thẳng $AB = 5$ cm.

b) Sử dụng Compa vẽ đoạn thẳng CD bằng đoạn thẳng AB .

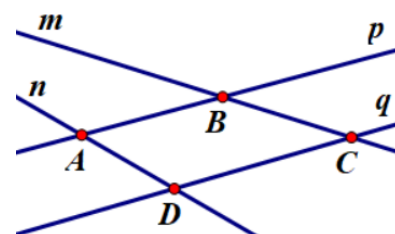
c) Xác định trung điểm I của đoạn thẳng AB .

Câu 3. (1,5 điểm) Cho hình vẽ sau

a) Kể tên các cặp đường thẳng song song

b) Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau và xác định giao điểm

c) Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống: $B \square p$ $D \square m$.



Câu 4. (2,5 điểm) Điểm kiểm tra môn Toán của 12 bạn học sinh tổ 1 lớp 6A được ghi lại trong bảng sau:

7	8	9	10	7	8
6	8	7	8	9	9

a) Lập bảng thống kê số điểm đạt được của các bạn tổ 1 lớp 6A theo mẫu sau

Điểm kiểm tra môn Toán	6	7	8	9	10
------------------------	---	---	---	---	----

Số học sinh					
-------------	--	--	--	--	--

- b) Em hãy nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?
- c) Vẽ biểu đồ cột với bảng thống kê trên.
- d) Điểm số nào nhiều học sinh đạt được nhất?

Câu 5. (0,5 điểm) Cho 20 điểm phân biệt, trong đó có đúng 6 điểm thẳng hàng ngoài ra không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ được một đường thẳng. Số đường thẳng vẽ được từ 20 điểm đó là bao nhiêu?

HẾT

Lưu ý: Học sinh không được sử dụng tài liệu
Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.